TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST Ngày: 07-02-2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Lê Thị Phương Dung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 784/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1997; HKTT: Ấp Đ1, xã Đ1, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1990; HKTT: Khu phố H, phường H1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Ấp Đ2, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà N có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông L vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 24/11/2017, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Thảo N) trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà N và ông L chung sống với nhau từ năm 2014. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2016 tại UBND xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, sống không có hạnh phúc. Nay, bà N thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa bà N và ông L có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Tường A, sinh ngày 06/3/2014. Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà N giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình: 01 đơn khởi kiện ngày 24/11/2017 của nguyên đơn; 01 bản sao giấy CMND và 01 bản sao Sổ hộ khẩu của nguyên đơn; 01 bản chính đơn xác nhận tạm trú; 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 bản tự khai ngày 24/11/2017; 01 bản sao trích lục khai sinh Phạm Nguyễn Tường A, sinh ngày 06/3/2014; 01 Quyết định đình chỉ số 231/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2017 của TAND huyện Dầu Tiếng; 01 trích lục số 373/HNGĐ-TLQĐ ngày 13/11/2017 của TAND huyện Dầu Tiếng. Ngoài ra, bà N không cung cấp ý kiến gì khác.

**** Bị đơn (ông L)***:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định để ông L biết và tham gia giải quyết vụ án nhưng ông L cố tình vắng mặt không tham quá trình giải quyết vụ án không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông L.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:***

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh nơi cư trú của các đương sự về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông L, đã xác định được: Trong cuộc sống vợ chồng bà N và ông L thì địa phương không thấy trình báo gì về mâu thuẫn. Tuy nhiên, bà Nguyễn Kim M là hàng xóm của bà N và ông L cho biết, quá trình chung sống tại địa phương thì bà N và ông L có cãi nhau và đã từng đánh nhau, hiện nay ông L và bà N cũng đã ly thân.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có

mặt nguyên đơn bà N. Bị đơn ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông L là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông L theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà N có mặt. Bị đơn ông L đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của bị đơn ông L là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyên khởi kiện bị đơn ông L về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nguyễn Tường A, sinh ngày 06/3/2014, bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông L có nơi cư trú tại ấp Đ2, xã Đ, huyện Dầu Tiếng nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyên:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà N và bị đơn ông L chung sống với nhau từ năm 2014. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 01/02/2016 tại UBND xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa nguyên đơn bà N và bị đơn ông L là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, nguyên đơn bà N và bị đơn ông L thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, nguyên đơn bà N cho rằng bị đơn ông L không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con, ông L còn có hành vi đánh đập vợ. Trước đây, nguyên đơn bà N đã làm đơn xin ly hôn nhưng muốn cho bị đơn ông L cơ hội để hàn gắn nên rút đơn khởi kiện và đã được TAND huyện Dầu Tiếng đình chỉ theo Quyết định số 231/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2017. Nguyên đơn bà N xác định vợ chồng đã có quá nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn không còn tình cảm vợ chồng với bị đơn nên không thể chung sống với nhau được nữa nên muốn ly hôn để không làm khổ cho cả hai. Ngược lại, bị đơn ông L không tham gia vào quá trình tố tụng, không có ý kiến phản bác lại ý kiến của bà N. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ,

thực hiện các công việc trong gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng nguyên đơn bà N và bị đơn ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 56, 91 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết việc xin ly hôn của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật.

- *Về nuôi con chung:* Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn bà N và bị đơn ông L có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Tường A, sinh ngày 06/3/2014. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bị đơn ông L không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì. Theo quy định tại Điều 81, 82, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên; con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Hiện con chung Phạm Nguyễn Tường A, sinh ngày 06/3/2014 (đã hơn 36 tháng tuổi) nhưng mẹ là người hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng, mẹ có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho nguyên đơn bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Nguyên đơn bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn bà N không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phi ên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Thảo N đối với ông Phạm Văn L, xử lý cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thảo N được ly hôn đối với ông Phạm Văn L.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Thảo N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Phạm Nguyễn Tường A, sinh ngày 06/3/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thảo N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011124 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 07/02/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng